CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 171/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung, chương trình, hình thức và quản lý, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng: Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.

2. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm.

3. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức.

4. Nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức về tự nghiên cứu, tự học tập và lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Điều 3. Trách nhiệm của công chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Không ngừng tự nghiên cứu, tự học tập và chủ động lựa chọn các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để tự nâng cao trình độ, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ.

3. Thực hiện chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm bảo đảm thời gian thực hiện tối thiểu hàng năm theo quy định.

4. Công chức lãnh đạo, quản lý tham gia giảng dạy các khóa bồi dưỡng công chức thì được tính vào thời gian tham gia chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

5. Thực hiện quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân trong thời gian tham gia khóa đào tạo và của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, trường chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng) trong thời gian tham gia khóa bồi dưỡng.

6. Thực hiện cam kết về thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo.

Chương II
ĐÀO TẠO CÔNG CHỨC

Điều 4. Yêu cầu về đào tạo sau đại học

1. Đào tạo sau đại học đối với công chức nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị. Ưu tiên đào tạo các lĩnh vực: khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

2. Việc đào tạo sau đại học đối với công chức thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

Điều 5. Điều kiện cử đi đào tạo sau đại học

1. Công chức có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Công chức không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu.

3. Công chức có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau đại học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

4. Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

5. Công chức được cử đi đào tạo sau đại học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết bởi cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

Điều 6. Đền bù chi phí đào tạo sau đại học

Công chức được cử đi đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Tự ý bỏ học, bỏ việc trong thời gian đào tạo.

2. Thực hiện hình thức kỷ luật buộc thôi việc theo quy định.

3. Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp.

4. Đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng bỏ việc, bị kỷ luật buộc thôi việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù

1. Chi phí đền bù bao gồm học phí và tất cả các khoản chi khác phục vụ khóa đào tạo, không tính lương và các khoản phụ cấp (nếu có).

2. Cách tính chi phí đền bù:

a) Đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định này, công chức phải trả 100% chi phí đền bù;

b) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định này, chi phí đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

S là chi phí đền bù;

F là tổng chi phí do cơ quan, đơn vị cử công chức đi đào tạo chi trả theo thực tế cho 01 người tham gia khóa đào tạo;

T1 là thời gian yêu cầu phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo (hoặc các khóa đào tạo) được tính bằng số tháng làm tròn;

T2 là thời gian đã thực hiện nhiệm vụ, công vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

Ví dụ: Anh A được cơ quan cử đi đào tạo thạc sỹ 02 năm (= 24 tháng), chi phí hết 60 triệu đồng. Theo cam kết, anh A phải phục vụ sau khi đi học về ít nhất là 72 tháng. Sau khi tốt nghiệp, anh A đã phục vụ cho cơ quan được 24 tháng. Sau đó, anh A tự ý bỏ việc. Chi phí đào tạo mà anh A phải đền bù là:

$$S = \frac{60 \text{ triệu đồng}}{72 \text{ tháng}} \times (72 \text{ tháng} - 24 \text{ tháng}) = 40 \text{ triệu đồng}$$

Điều 8. Điều kiện không phải đền bù và được giảm chi phí đền bù

1. Điều kiện không phải đền bù

a) Trường hợp công chức được cử đi đào tạo sau đại học nhưng không được cấp bằng do bị bệnh hiểm nghèo, bị rủi ro do thiên tai và dịch bệnh được cấp có thẩm quyền xác nhận thì không phải đền bù chi phí đào tạo.

b) Trường hợp công chức được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau đại học nhưng sau đó được cơ quan có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển công tác sang cơ quan khác nhưng vẫn thuộc hệ thống cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã thì không phải đền bù chi phí đào tạo.

2. Điều kiện được giảm chi phí đền bù

Trường hợp công chức là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác (không tính thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1,5% chi

phí đền bù. Trường hợp công chức không phải là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác của công chức (không tính thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù.

Điều 9. Hội đồng xét đền bù

1. Hội đồng xét đền bù tư vấn giúp người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức xem xét các trường hợp phải đền bù chi phí và kiến nghị chi phí đền bù đối với công chức.

2. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc công khai, dân chủ và biểu quyết theo đa số.

3. Hội đồng chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Thành lập Hội đồng xét đền bù

1. Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức thành lập Hội đồng xét đền bù.

2. Hội đồng xét đền bù bao gồm các thành viên:

a) 01 đại diện lãnh đạo Vụ (Ban, Phòng) Tổ chức cán bộ, Sở Nội vụ hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức làm Chủ tịch Hội đồng;

b) 01 công chức phụ trách đào tạo, bồi dưỡng của Vụ (Ban, Phòng) Tổ chức cán bộ, Sở Nội vụ hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức làm Thư ký Hội đồng;

c) 01 đại diện cấp ủy của đơn vị sử dụng công chức;

d) 01 đại diện bộ phận tài chính - kế toán của cơ quan, đơn vị chi trả các khoản chi phí cho khóa đào tạo;

đ) 01 đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng công chức.

Điều 11. Cuộc họp của Hội đồng xét đền bù

1. Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm tổ chức cuộc họp xét đền bù. Cuộc họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các thành viên.

2. Trình tự cuộc họp:

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng;

b) Chủ tịch Hội đồng nêu nhiệm vụ và chương trình làm việc của Hội đồng;

c) Thư ký Hội đồng đọc các quy định liên quan đến đền bù chi phí đào tạo;

d) Đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng công chức báo cáo về quá trình công tác của công chức và xác định trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 6 Nghị định này;

đ) Đại diện bộ phận tài chính - kế toán quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 báo cáo các khoản chi phí cho khóa đào tạo;

e) Hội đồng thảo luận về trường hợp đền bù và chi phí đền bù.

3. Kiến nghị chi phí đền bù của Hội đồng được lập thành văn bản và được gửi đến người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc các cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Kinh phí tổ chức cuộc họp của Hội đồng xét đền bù lấy từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan quản lý công chức.

Điều 12. Quyết định đền bù

Căn cứ kiến nghị của Hội đồng xét đền bù, người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức ban hành quyết định đền bù chi phí đào tạo.

Điều 13. Trả và thu hồi chi phí đền bù

1. Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, công chức phải đền bù chi phí đào tạo có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí đền bù.

2. Chi phí đền bù được nộp cho cơ quan, đơn vị đã chi trả cho khóa đào tạo theo quy định.

3. Trường hợp công chức không thực hiện nghĩa vụ đền bù chi phí đào tạo theo quy định hoặc cơ quan quản lý và công chức không thống nhất được việc đền bù chi phí đào tạo, các bên liên quan có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chương III
BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC

Mục 1
NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG

Điều 14. Nội dung bồi dưỡng

1. Lý luận chính trị.

2. Kiến thức quốc phòng và an ninh.

3. Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước.

4. Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

5. Kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

Điều 15. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh: Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý, gồm:

a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương, thời gian thực hiện là 04 tuần, gồm:

Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã;

Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp sở và tương đương;

Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cấp vụ và tương đương;

b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, thời gian thực hiện là 04 tuần;

c) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương, thời gian thực hiện là 04 tuần;

d) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng cấp thứ trưởng và tương đương, thời gian thực hiện là 02 tuần.

4. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ, thời gian thực hiện tối thiểu là 01 tuần, tối đa là 02 tuần.

Điều 16. Yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng

1. Công chức tham gia học các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Công chức lãnh đạo, quản lý bắt buộc phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước sau khi bổ nhiệm vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.

3. Công chức tham gia học các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của cơ quan quản lý công chức bảo đảm thời gian thực hiện tối thiểu 01 tuần (40 tiết)/năm.

Điều 17. Ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng

1. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng cấp thứ trưởng và tương đương.

2. Bộ Nội vụ ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

4. Cơ quan quản lý công chức xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc ngành, lĩnh vực và thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 18. Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu được biên soạn phải phù hợp với vị trí việc làm và yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn.

2. Nội dung chương trình, tài liệu phải bảo đảm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; tích hợp, lồng ghép các chương trình bồi dưỡng có nội dung tương đồng; không trùng lặp; tăng cường các nội dung, kiến thức mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số. Chương trình, tài liệu phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với nhu cầu, yêu cầu và tình hình thực tế.

3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì tổ chức biên soạn các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương.

4. Cơ quan quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ tổ chức biên soạn chương trình.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao tổ chức bồi dưỡng chịu trách nhiệm biên soạn tài liệu bồi dưỡng.

Điều 19. Thẩm định, phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam thẩm định chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng cấp thứ trưởng và tương đương.

2. Bộ Nội vụ thẩm định chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thẩm định chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

4. Cơ quan quản lý công chức phê duyệt chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc ngành, lĩnh vực, thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đưa vào sử dụng.

5. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và các cơ quan, đơn vị tổ chức thẩm định hoặc phê duyệt tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

Điều 20. Tổ chức thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Các cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bộ Quốc phòng thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định chương trình bồi dưỡng được giao quản lý.

2. Bộ Nội vụ thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương.

3. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, người đứng đầu các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị thành lập hoặc trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

4. Hội đồng thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 02 ủy viên kiêm phản biện và các ủy viên khác.

5. Các thành viên Hội đồng phải là những nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn phù hợp và không phải là những người trực tiếp biên soạn chương trình, tài liệu được thẩm định.

6. Cuộc họp Hội đồng thẩm định được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng và thư ký Hội đồng không được vắng mặt.

7. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định, hồ sơ thẩm định chương trình, tài liệu phải được gửi đến cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ gồm:

a) Bản nhận xét, đánh giá và phiếu thẩm định của các ủy viên Hội đồng;

b) Biên bản họp thẩm định của Hội đồng, trong đó ghi rõ ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng; biên bản kết quả kiểm phiếu;

c) Chương trình, tài liệu đã được Hội đồng thẩm định.

8. Căn cứ kết luận của Hội đồng, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành hoặc phê duyệt chương trình, tài liệu.

9. Kinh phí tổ chức thẩm định lấy từ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được dự toán trong kinh phí biên soạn chương trình, tài liệu.

Điều 21. Ban hành tài liệu

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký quyết định ban hành tài liệu bồi dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ký quyết định ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

3. Người đứng đầu các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị ký quyết định ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

Điều 22. Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ các chương trình bồi dưỡng được giao thực hiện.

2. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể về quản lý, sử dụng và mẫu chứng chỉ.

Mục 2
TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG

Điều 23. Trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định;

b) Các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng ở cấp sở và tương đương, cấp phòng thuộc cấp vụ và tương đương; cấp sở và tương đương; cấp vụ và tương đương; cấp thứ trưởng và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị được giao bồi dưỡng theo quy định;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã;

c) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

Điều 24. Phương pháp bồi dưỡng

Bồi dưỡng bằng phương pháp tích cực, phát huy tính tự giác, chủ động và tư duy sáng tạo của người học, tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên; tăng cường bồi dưỡng thông qua tình huống thực tiễn.

Điều 25. Hình thức tổ chức bồi dưỡng

1. Tập trung.

2. Trực tuyến.

3. Kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

Điều 26. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng

1. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng nhằm cung cấp thông tin về mức độ nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức sau khi được bồi dưỡng.

2. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, trung thực.

3. Nội dung đánh giá chất lượng bồi dưỡng gồm:

a) Đánh giá chất lượng chương trình bồi dưỡng;

b) Đánh giá chất lượng học viên tham gia khóa bồi dưỡng;

c) Đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên tham gia bồi dưỡng;

d) Đánh giá chất lượng cơ sở vật chất phục vụ khóa bồi dưỡng;

đ) Đánh giá chất lượng khóa bồi dưỡng công chức;

e) Đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng công chức.

4. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng do cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức thực hiện hoặc thuê cơ quan đánh giá độc lập.

5. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể về đánh giá chất lượng bồi dưỡng công chức.

Mục 3
BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 27. Yêu cầu bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Quốc gia được chọn để cử công chức đến học tập phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Các quốc gia có nền hành chính hiện đại, quản trị công hiện đại, có thế mạnh, kinh nghiệm quản lý về các lĩnh vực chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, kinh tế xanh, hội nhập quốc tế và các lĩnh vực khác cần học tập, nghiên cứu, có thể áp dụng ở Việt Nam;

b) Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có các điều kiện học tập, nghiên cứu, phương pháp giảng dạy đáp ứng được mục đích, nội dung, chương trình của khóa bồi dưỡng.

2. Việc tổ chức bồi dưỡng ở nước ngoài phải bảo đảm công khai, minh bạch, chất lượng và hiệu quả.

3. Việc cử công chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài phải bảo đảm phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu của cơ quan, đơn vị.

Điều 28. Điều kiện bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Đối với các khóa bồi dưỡng có thời gian dưới 01 tháng, công chức phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 18 tháng tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.

2. Đối với các khóa bồi dưỡng có thời gian từ 01 tháng trở lên đến dưới 12 tháng, công chức phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 24 tháng tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.

3. Chuyên môn, nghiệp vụ của công chức được cử đi bồi dưỡng phải phù hợp với nội dung của khóa bồi dưỡng.

4. Công chức không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật.

5. Công chức được cử đi bồi dưỡng phải được đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm trước liền kề.

6. Công chức có sức khỏe bảo đảm đáp ứng yêu cầu khóa bồi dưỡng.

Chương IV
GIẢNG VIÊN

Điều 29. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Giảng viên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; giảng viên kiêm nhiệm.

2. Người được mời thỉnh giảng.

Điều 30. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách của giảng viên đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Tiêu chuẩn

a) Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh;

c) Đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn theo quy định;

d) Có trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;

đ) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

e) Lý lịch bản thân rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chính trị.

2. Nhiệm vụ

a) Biên soạn chương trình, tài liệu và giảng dạy theo quy định;

b) Nghiên cứu khoa học và công nghệ;

c) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.

3. Chế độ, chính sách

a) Chế độ, chính sách đối với giảng viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do cấp có thẩm quyền quy định;

b) Giảng viên và giảng viên kiêm nhiệm của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chế độ, chính sách của giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học.

4. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

5. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với giảng viên của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 31. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách của người được mời thỉnh giảng

1. Đối với công dân Việt Nam

a) Bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e khoản 1 Điều 30 và có trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu;

b) Thực hiện đúng nhiệm vụ giảng dạy theo nội dung hợp đồng đã ký kết;

c) Được hưởng các chế độ, chính sách căn cứ theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

2. Đối với người nước ngoài

a) Có thái độ chính trị phù hợp với thể chế chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tuân thủ pháp luật của Việt Nam;

b) Đáp ứng yêu cầu về kiến thức, năng lực giảng dạy;

c) Được hưởng các chế độ, chính sách căn cứ theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

Chương V
KINH PHÍ, QUYỀN LỢI CỦA CÔNG CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 32. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức do ngân sách nhà nước cấp, kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức, của công chức, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số. Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng hình thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ cho công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 33. Quyền lợi của công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;

b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;

c) Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;

d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

2. Công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

3. Công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Chương VI
QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nội vụ

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền chiến lược, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức.

3. Xây dựng đề án, kế hoạch bồi dưỡng công chức ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền ban hành; hướng dẫn và tổ chức thực hiện các khóa bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho công chức của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và các tỉnh, thành phố theo chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ban hành và quản lý các chương trình bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

5. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý; đề xuất kinh phí đào tạo, bồi dưỡng gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để công chức không ngừng học tập, nâng cao ý thức trách nhiệm trong tự nghiên cứu, tự học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác và trách nhiệm của đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các khóa bồi dưỡng công chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

3. Lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng công chức thuộc thẩm quyền quản lý để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Tổ chức các khóa bồi dưỡng công chức ở nước ngoài theo thẩm quyền.

5. Quản lý và tổ chức biên soạn các chương trình bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

6. Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đội ngũ giảng viên theo thẩm quyền.

7. Kiểm tra việc thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

Điều 36. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp, cân đối, bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi Bộ Nội vụ để theo dõi, thực hiện theo thẩm quyền.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết về chế độ, chính sách khuyến khích công chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

2. Xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để công chức không ngừng học tập, nâng cao ý thức trách nhiệm trong tự nghiên cứu, tự học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác và trách nhiệm của đội ngũ công chức lãnh đạo, quản lý các cấp tham gia giảng dạy các khóa bồi dưỡng công chức thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm của địa phương.

3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức thuộc phạm vi quản lý.

4. Lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng công chức thuộc thẩm quyền quản lý để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

5. Quản lý và tổ chức biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

6. Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đội ngũ giảng viên theo thẩm quyền.

7. Kiểm tra việc thực hiện quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

Điều 38. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng công chức

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Đề xuất, lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của công chức và nhu cầu của đơn vị.

3. Tạo điều kiện để công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; tự nghiên cứu, tự học tập nâng cao trình độ.

Điều 39. Chế độ báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức hằng năm về Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Vụ (Ban, phòng) Tổ chức cán bộ các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức có trách nhiệm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức gửi Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền để tổng hợp, theo dõi.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Điều khoản áp dụng

1. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao tại các hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ được áp dụng quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức.

2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng đối với đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã theo quy định của cấp có thẩm quyền được áp dụng quy định tại Nghị định này.

Điều 41. Tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này bãi bỏ các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày

18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đang tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 17 trong nội dung khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP có trách nhiệm hoàn thành khóa bồi dưỡng và cấp chứng chỉ cho học viên trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4. Công chức có chứng chỉ hoàn thành các chương trình bồi dưỡng tại điểm a khoản 5 Điều 17 trong nội dung khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP hoặc đã được bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 thì không phải tham gia chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này.

5. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, công chức đang được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP nếu được cơ quan có thẩm quyền dự kiến bố trí vào vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo, bồi dưỡng thì tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách cho người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng đến khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định. Trường hợp công chức đang đào tạo, bồi dưỡng theo quy định mà đã được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế thì không tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Nghị định này.

6. Công chức được cơ quan cử đi đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học theo quy định mà chưa hoàn thành khóa đào tạo hoặc chưa được cấp chứng chỉ hoặc chưa phục vụ đủ thời gian cam kết nhưng được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP thì không phải đền bù chi phí đào tạo. Trường hợp công chức đã hoàn thành chế độ

tập sự hoặc đang thực hiện chế độ tập sự theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 thì thời gian tập sự không được tính vào thời gian công tác để được giảm chi phí đền bù.

Điều 42. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Nhà nước, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình